

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/DS-ST
Ngày: 19/8/2023

NHÂN DANH

*V/v Tranh chấp Hợp đồng góp
hụi*

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Bền

2/ Ông Phùng Văn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLST-DS ngày 13/02/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-DS ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Phi L** sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T.T xã Đ.H, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Phan Thị Thanh T** sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T.T xã Đ.H, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Phi L trình bày:

Yêu cầu bà T trả số tiền hụi còn nợ là 123.200.000 đồng, trả 04 lần, lần đầu vào cuối tháng 6/2023, lần hai vào cuối tháng 7/2023, lần ba vào cuối tháng 8/2023, lần bốn vào cuối tháng 9/2023, mỗi lần trả 30.800.000 đồng.

* Bị đơn bà Phan Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2023 thì bà T có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà T thống nhất số tiền hụi còn nợ anh L là 123.200.000 đồng, bà T xin cho bà thời gian bán đất để bà T trả tiền anh L, anh L đề nghị trả 04 lần, lần đầu vào cuối tháng 5/2023, lần hai vào cuối tháng 6/2023, lần ba vào cuối tháng 7/2023, lần bốn vào cuối tháng 8/2023, mỗi lần trả 30.800.000 đồng như tại buổi hòa giải thì bà T không có khả năng, do bà T buôn bán ngày có 100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phan Thị Thanh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui còn nợ là 123.200.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa anh L và bà T là tranh chấp “Hợp đồng góp hui” được xem xét giải quyết theo Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Căn cứ vào “Giấy ghi hui” ngày 06/7/2022; bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định:

Anh L có tham gia 03 dây hui do bà T làm chủ hui.

Dây 1, hui 2.000.000 đồng, 19 phần, khai ngày 02/9/2022 âm lịch, mỗi tháng đóng 1.600.000 đồng, anh L đóng 17 phần với số tiền 27.200.000 đồng

Dây 2, hui 3.000.000 đồng, 19 phần, khai ngày 02/11/2020, mỗi tháng đóng 2.400.000 đồng, anh L đóng 15 phần với số tiền 36.000.000 đồng

Dây 3, hui khai ngày 02/11/2020. Hui 5.000.000 đồng, 15 phần. Anh L đóng 15 phần với số tiền 60.000.000 đồng đến thời điểm tháng 4/2022 là ngày kí mãng hui thì bà T không giao hui tuyên bố vỡ hui.

Từ thời điểm vỡ hui, bà T không trả tiền hui cho anh L. Anh L nhiều lần nhắc nhở nhưng không thực hiện. Do đó anh L khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 123.200.000 đồng, thực hiện trả 04 lần, lần đầu vào cuối tháng 6/2023, lần hai vào cuối tháng 7/2023, lần ba vào cuối tháng 8/2023, lần bốn vào cuối tháng 9/2023, mỗi lần trả 30.800.000 đồng.

Bà T tại buổi hòa giải đã thừa nhận và thống nhất số tiền hui còn nợ anh L là 123.200.000 đồng, bà T xin cho bà thời gian bán đất để bà T trả tiền anh L, anh L đề nghị trả 04 lần, mỗi lần trả 30.800.000 đồng trong 04 tháng như tại buổi hòa giải thì bà T không có khả năng, do bà T buôn bán ngày có 100.000 đồng, tuy nhiên trình bày của bà T không được phía anh L đồng ý và không phù hợp qui định pháp luật nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định bị đơn bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho anh L, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh L. Anh L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T trả số tiền hui 123.200.000 đồng, thực hiện trả 04 lần, lần đầu vào cuối tháng 6/2023, lần hai vào cuối tháng 7/2023, lần ba vào cuối tháng 8/2023, lần bốn vào cuối tháng 9/2023, mỗi lần trả 30.800.000 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật do đó HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L buộc bà T có nghĩa vụ trả cho anh L 123.200.000 đồng, thực hiện trả 04 lần, lần đầu vào cuối tháng 6/2023, lần hai vào cuối tháng 7/2023, lần ba vào cuối tháng 8/2023, lần bốn vào cuối tháng 9/2023, mỗi lần trả 30.800.000 đồng.

[4] Về án phí: nguyên đơn được HĐXX chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 09/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Xử: 1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Phi L

Buộc bị đơn Phan Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Phi L số tiền 123.200.000 đồng, thực hiện trả 04 lần, lần đầu vào cuối tháng 6/2023, lần hai vào cuối tháng 7/2023, lần ba vào cuối tháng 8/2023, lần bốn vào cuối tháng 9/2023, mỗi lần trả 30.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Hoàn lại nguyên đơn Phạm Phi L số tiền 3.080.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0021415 ngày 10/2/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành. Bị đơn Phan Thị Thanh T phải chịu 6.160.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Quốc Tường